TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THUẬN AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 388/2019/QĐST-HNGĐ	*Thuận An, ngày 03 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 469/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Bùi Đức T, sinh năm 1980 và bà Tôn Thị D, sinh năm 1984; cùng hộ khẩu thường trú: Làng Quang Tọa, xã Q, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; cùng tạm trú: 76E/18 khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ông Bùi Đức T và bà Tôn Thị D tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận kết hôn số 288/2006 ngày 09 tháng 10 năm 2006.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, không quan tâm chăm sóc cho nhau khiến cho cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Bùi Đức T va bà Tôn Thị D thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông Bùi Đức T và bà Tôn Thị D có 02 con chung tên Bùi Đức T, sinh ngày 12/02/2007 và Bùi Đức H, sinh ngày 07/01/2018.

Ông Bùi Đức T và bà Tôn Thị D thống nhất: Sau khi ly hôn, bà Tôn Thị D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Bùi Đức H, sinh ngày

07/01/2018 và ông Bùi Đức T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Bùi Đức T, sinh ngày 12/02/2007.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D và ông T thống nhất: Ông Bùi Đức T cấp dưỡng nuôi con chung tên Bùi Đức H 2.000.000 đồng/tháng, được thực hiện từ tháng 6/2019 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Bà Tôn Thị D không cấp dưỡng nuôi con chung Bùi Đức T, sinh ngày 12/02/2007.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Bùi Đức T và bà Tôn Thị D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Bùi Đức T và bà Tôn Thị D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn, thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày Trung tâm hòa giải – đối thoại tại Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương lập biên bản hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Đức T và bà Tôn Thị D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Bùi Đức H, sinh ngày 07/01/2018 cho bà Tôn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con chung tên Bùi Đức T, sinh ngày 12/02/2007 cho ông Bùi Đức T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Bùi Đức T cấp dưỡng nuôi con chung tên Bùi Đức H 2.000.000 đồng/tháng, được thực hiện từ tháng 6/2019 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Bà Tôn Thị D không cấp dưỡng nuôi con chung Bùi Đức T, sinh ngày 12/02/2007.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu

Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Bùi Đức T và bà Tôn Thị D chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0035037 ngày 16/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Ngọc Kiệt